

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HSST
Ngày: 18/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Hùng Cường và bà Điều Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lý Văn Hôn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: ông Bùi Quang Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2020/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2020; đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỖ MINH T sinh năm: 1986; Hộ khẩu thường trú: thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Thịnh V, sinh năm 1955 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1961; bị cáo có vợ tên Phạm Thị L, sinh năm 1987 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: Ngày 08/6/2017, bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc theo quyết định số 13/QĐ-TA của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước với thời hạn 18 tháng. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 28/10/2019 đến nay. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại:

Lưu Văn T, sinh năm 1973(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Phương N, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt).

2. Phạm Ngọc A, sinh năm 1973; địa chỉ: E2/2B, ấp 5, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt).

- *Những người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1995; thôn 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt).

2. Nguyễn Văn Du, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt).

3. Lưu Văn Th, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn 10, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 28/10/2019, Nguyễn Đỗ Minh T điều khiển xe mô tô hiệu Majesty màu nâu, biển kiểm soát: 53R8-4891 đi vào khu vực thôn 10, xã T, huyện B. Khi chạy đến đoạn đường gần nhà ông Lưu Văn T thì T phát hiện thấy trong vườn nhà ông Lưu Văn T có nuôi dê nên T nảy sinh ý định đi vào bắt trộm dê bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. T dừng xe bên lề đường rồi đi bộ về phía chuồng dê thì thấy có 03(ba) con dê ở phía trước chuồng, T mở cửa chuồng dê bắt trộm 01(một) con dê cái màu trắng đen nặng 22kg để lên gác ba ga phía trước của xe mô tô rồi nổ máy xe chạy đi thì bị con trai của ông Lưu Văn T là Lưu Văn Th phát hiện nên điện báo cho ông Lưu Văn T biết, ông Lưu Văn T dùng xe mô tô truy đuổi theo T đồng thời điện báo cho Công an xã T, huyện B. Khi đến khu vực chợ T thì T bị ông Lưu Văn T và công an viên xã T bắt quả tang cùng tang vật là con dê và chiếc xe mô tô. Vụ việc sau đó được Công an xã T, huyện B chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/2020/BKL- ĐGTS ngày 30/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Tại thời điểm ngày 28/10/2019 con dê giống cái, loại Bách thảo, màu đen trắng, trọng lượng 22kg có giá là 2.596.000đồng.

Cáo trạng số: 05/CTr - VKS ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Đỗ Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và kết luận.

Bị hại Lưu Văn T đã nhận được tài sản, không có yêu cầu gì và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được tài sản và không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng; đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 12(mười hai) tháng đến 18(mười tám) tháng tù.

Bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 14 giờ ngày 28/10/2019, tại khu vực thôn 6, xã T, huyện B bị cáo Nguyễn Đỗ Minh T đã có hành vi lợi dụng sự vắng nhà của chủ sở hữu đã lén lút chiếm đoạt 01(một) con dê giống cái, loại Bách thảo, màu đen trắng, trọng lượng 22kg của bị hại ông Lưu Văn T. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.596.000đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, xét về nhân thân, bị cáo có 01(một) tiền sự xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và bị cáo đã chấp hành xong.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01(một) con dê loại Bách thảo, màu đen trắng, trọng lượng 22kg sau khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản kiểm tra trọng lượng, kiểm tra đặc điểm, Cơ quan điều tra đã giao lại cho gia đình ông Lưu Văn T.

Đối với 01(một) chiếc xe mô tô hiệu MaJesty màu nâu, biển kiểm soát: 53R8-4891 là của ông Trần Phương N mua của ông Phạm Ngọc A vào ngày 20/4/2018 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 10/10/2019, anh N cho bị cáo mượn xe nhưng bị cáo chưa trả xe cho ông N. Đến ngày 28/10/2019, bị cáo sử dụng chiếc xe làm phương tiện lấy trộm tài sản. Bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, ông N không biết nên ngày 15/12/2019 Cơ quan điều tra Công an huyện B đã trả lại chiếc xe cho ông N là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[9] Xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Nguyễn Đỗ Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đỗ Minh T 01(một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam (ngày 28/10/2019).

2. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Công an huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Quang Lâm